

Hội thảo khoa học: Văn hóa biển đảo - Bảo vệ và phát huy giá trị

Vừa qua, tại Hà Nội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia tổ chức Hội thảo khoa học: “Văn hóa biển đảo - Bảo vệ và phát huy giá trị”. Hội thảo được tổ chức nhằm góp phần hình thành cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức tốt nhất, hiệu quả nhất các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị biển đảo Việt Nam.

Tham dự Hội thảo có thành viên Hội đồng Di sản quốc gia, Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, Hội Sử học Việt Nam, Hội Di sản văn hóa; các nhà khoa học, nhà quản lý ở các cơ quan trung ương và địa phương... cùng đông đảo phóng viên báo chí. Hơn 30 tham luận được gửi tới Ban tổ chức.

Tại Hội thảo, các đại biểu nhấn mạnh, từ bao đời nay, biển đảo đóng vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa ở Việt Nam. Biển mang lại nguồn sống và in đậm dấu vết trong đời sống văn hóa của nhiều cộng đồng người Việt. Dân tộc Việt Nam đã biết và hiểu về biển đảo, đã biết cách ứng xử linh hoạt, độc đáo để tồn tại và phát triển với biển đảo. Văn hóa biển đảo Việt Nam hết sức đa dạng và phong phú, là một phần của văn hóa dân tộc Việt Nam, đó cũng là tất yếu với một đất nước có trên 3.000 km bờ biển, một dân tộc hướng biển. Đây không chỉ là những di sản quý báu, có giá trị khoa học, văn hóa, kinh tế cao mà còn có ý nghĩa trong việc khẳng định chủ quyền quốc gia.

Theo thống kê, hiện trên địa bàn 28 tỉnh, thành phố ven biển ở Việt Nam có hơn 1.000 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, hàng trăm di tích và cụm di tích trực tiếp hiện diện trên các vùng biển đảo và bờ biển. Trong số 69 di sản được ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cũng có bốn di sản liên quan đến văn hóa biển đảo là: Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), Lễ hội Cầu Ngư (tỉnh Khánh Hòa), Lễ hội Nghinh Ông (huyện Cần Giò, Tp. Hồ Chí Minh) và Lễ hội cúng biển Mỹ Long (tỉnh Trà Vinh). Ngoài ra, nhiều hiện vật, nhiều bộ sưu tập giá trị hiện đang được lưu giữ trong các bảo tàng, các bộ sưu tập cá nhân... thực sự là một kho báu đồ sộ, đa dạng, phong phú và chứa đựng nhiều giá trị ý nghĩa. Đơn cử như thời gian gần đây, nhiều hiện vật, nhiều di sản văn hóa đã đem đến những giá trị đầy hiệu lực, thuyết phục, phản ánh quyền chủ quyền của Việt Nam trên biển đảo như các loại bản đồ, hải đồ, các bộ sách sử, châu bản, mộc bản triều Nguyễn...

Tuy nhiên, có một thực tế là cho đến những năm gần đây, vì nhiều lý do, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa biển đảo chưa được chú trọng đúng mức. Các di sản chìm dưới biển chưa được nghiên cứu, khai quật bài bản. Công việc “khai quật” một số con tàu đắm vừa qua thực chất mới chỉ là trục vớt các cổ vật, được tiến hành bởi các công ty tư nhân với yêu cầu kinh doanh luôn là ưu tiên hàng đầu. Các hàng động ngập nước

hầu như chưa được nghiên cứu. Sự chậm trễ trong việc xây dựng và phát triển khảo cổ học dưới nước ở nước ta là một minh chứng rất thuyết phục cho sự thiếu quan tâm này.

Việt Nam tự hào là một quốc gia biển với tổng diện tích biển đảo thuộc chủ quyền lớn gấp 3 lần diện tích đất liền, qua trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước các thế hệ người Việt Nam đã luôn gắn bó chặt chẽ với biển đảo và đất nước. Điều đó không chỉ được thể hiện sinh động trong quá trình sản xuất, phát triển kinh tế mà còn thể hiện qua những cuộc đấu tranh trường kỳ, bảo vệ biển đảo thiêng liêng.

Tại Hội thảo, theo ý kiến của nhiều chuyên gia, để phát huy các giá trị văn hóa vùng biển đảo, trước hết cần tuyên truyền phổ biến kiến thức về di sản văn hóa, từng bước nâng cao nhận thức của cộng đồng, huy động cao nhất các nguồn lực xã hội cho hoạt động quan trọng này, trong đó chú trọng công tác khảo cổ, khai quật. Từ các kết quả nghiên cứu, nên thường xuyên tổ chức trưng bày chuyên đề về văn hóa biển đảo và chủ quyền biển đảo Việt Nam, nhất là đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, tiến tới xây dựng một bảo tàng biển. Một số học giả quan tâm đến vấn đề khảo cổ cũng mong muốn thành lập và đầu tư xây dựng một trung tâm khảo cổ học dưới nước có đủ sức nghiên cứu, khai quật kho báu di sản dưới lòng biển Việt Nam.

Hội thảo khoa học “Văn hóa biển đảo - Bảo vệ và phát huy giá trị” là bước khởi đầu để các cơ quan chức năng thấy rõ hơn về bức tranh toàn cảnh văn hóa biển của Việt Nam, qua đó có hướng phát triển trong tương lai.

HÀ AN

Hội thảo khoa học quốc tế: Chiến lược ngoại ngữ trong xu thế hội nhập

Ngày 11/11/2014, tại Hà Nội, Trường Đại học Hà Nội tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế *Chiến lược ngoại ngữ trong xu thế hội nhập*. Tham dự Hội thảo gồm các đại biểu đại diện một số bộ, ngành, đại sứ quán và các học giả, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, các tổ chức, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế. Hội thảo gồm 2 phiên với 35 tham luận được trình bày.

Tại *phiên toàn thể*, các học giả tập trung làm rõ 5 vấn đề: Chiến lược giảng dạy ngoại ngữ của Trường Đại học Hà Nội trong xu thế hội nhập; Vai trò của môi trường xã hội và học thuật đối với học tập và sự hài lòng của sinh viên; Một nghiên cứu điển mẫu tại Trường Đại học Hà Nội; Đóng góp vào việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ; Bản sắc ngôn ngữ và văn hóa; Các công nghệ kết hợp cho hướng tiếp cận chuyên sâu trong giảng dạy và học tập ngoại ngữ.

Các học giả nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam, điển hình là những đánh giá của sinh viên tại trường Đại học Hà Nội. Qua đó, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu trong hệ thống đào tạo của trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của trường trong thời gian tới. Bên cạnh đó, các học giả cũng bàn về chiến lược phát triển việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, chỉ rõ trách nhiệm của đội ngũ những người tham gia truyền thụ, họ phải nắm vững đặc điểm của ngôn ngữ Việt, cần có kiến thức ngôn ngữ học, kiến thức rộng rãi về lịch sử, văn hóa của người Việt và phải có hiểu biết nhất định về ngôn ngữ và văn

hóa của đối tượng phục vụ để truyền thụ ngôn ngữ Việt...

Phiên thứ hai gồm 5 tiểu ban với 5 nội dung chính là: Đào tạo chuyên ngữ; Đào tạo chuyên ngành bằng ngoại ngữ; Đào tạo tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người nước ngoài; Văn hóa trong hoạt động giảng dạy ngoại ngữ thời kỳ hội nhập; Ứng dụng công nghệ và thiết bị trong giảng dạy và nghiên cứu về ngoại ngữ.

Các đại biểu nhận định: Trong đời sống ngôn ngữ vào thời kỳ hội nhập quốc tế, ngoại ngữ trở thành công cụ đắc dụng trong hành trang của mọi người, mọi thế hệ, nhất là giới trẻ nước ta. Trong đó, chính sách ngoại ngữ là một bộ phận của chính sách ngôn ngữ. Vì vậy, Việt Nam cần một chính sách ngoại ngữ tạo ra những con người song và đa ngữ thuần thực, nhưng tuyệt đối không xem nhẹ tiếng mẹ đẻ. Bên cạnh đó, Hội thảo còn chú trọng tới việc dạy tiếng Anh chuyên ngành cho các môn Lịch sử, Việt Nam học, Công tác xã hội, Quốc tế học, Toán-khoa học tự nhiên,... và vai trò của giáo viên dạy tiếng Anh chuyên ngành, những khó khăn gặp phải cũng như các đề xuất có tính thực tiễn, phục vụ cho việc phát triển chương trình và giáo trình tiếng Anh chuyên ngành. Ngoài ra, vấn đề triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 cũng được các đại biểu quan tâm thảo luận tại Hội thảo.

Trên cơ sở những phân tích, thảo luận của các đại biểu, Hội thảo tổng kết, đánh giá và đề ra phương hướng, chiến lược nghiên cứu ngoại ngữ trong môi trường hội nhập quốc tế phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động về nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, thành thạo ngoại ngữ.

MQ.

Báo cáo “Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam”

Vừa qua, Báo cáo “Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam” đã được công bố tại Hà Nội. Báo cáo do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện cuối năm 2013 với sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của UNICEF.

Báo cáo đã nêu bật một số vấn đề đáng lưu ý liên quan đến sự bất bình đẳng trong giáo dục ở Việt Nam thông qua phân tích thực trạng về số lượng và các đặc điểm của trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi 5-14, gồm cả nhóm trẻ em không đi học và nhóm trẻ em đang đi học nhưng có nguy cơ bỏ học. Các đối tượng trẻ em ngoài nhà trường được phân tích theo các đặc điểm: độ tuổi, giới tính, dân tộc, nơi cư trú (nông thôn hay thành thị), tình trạng khuyết tật (nhẹ hay nặng), tình trạng cư trú (di cư hay không di cư)...

Theo Báo cáo, Việt Nam có khoảng 14,3 triệu trẻ em trong độ tuổi từ 5 đến 14 tuổi, trong đó tổng số trẻ em ngoài nhà trường là 1.127.345 em. Tỷ lệ trẻ em chưa bao giờ đi học khá cao, đặc biệt cao đối với một số nhóm dân tộc thiểu số. Dân tộc Mông có tỷ lệ trẻ em chưa bao giờ đi học cao nhất trong các nhóm dân tộc thiểu số (gần 1/4 số trẻ em dân tộc Mông trong độ tuổi đi học chưa từng đi học ở bất cứ một loại trường lớp nào). Tỷ lệ trẻ em đã đi học nhưng sau đó thôi học tăng mạnh theo độ tuổi. Ở tuổi 14 là độ tuổi cuối trung học cơ sở có gần 16% thôi học. Tính trung bình ở Việt Nam, tình trạng đi học quá tuổi ở cả các lớp tiểu học và trung học cơ sở chiếm gần 6%, đặc biệt là ở các tỉnh Gia Lai và Điện Biên.

(Xem tiếp trang 39)